

ST T	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10		10		25				55	100			
1	2126212604	Lê Nguyễn Kim Chi	B21QTH	8		8		9				7	7.7	Bảy phẩy Bảy		
2	2127212605	Ngô Tiến Đạt	B21QTH	0		0		0				HP	0.0	Không	HP	
3	2127212546	Lê Xuân Đức	B21QTH	8		10		8.5				8.5	8.6	Tám phẩy Sáu		
4	2127212544	Nguyễn Việt Dũng	B21QTH	8		9		8.5				8	8.2	Tám phẩy Hai		
5	2127212608	Nguyễn Hữu Hải	B21QTH	7		8		9				6.5	7.3	Bảy phẩy Ba		
6	2127212609	Nguyễn Đăng Hiếu	B21QTH	5		6		8.5				5	6.0	Sáu		
7	2127212611	Đặng Vũ Ngọc Hoàng	B21QTH	8		8		9				7	7.7	Bảy phẩy Bảy		
8	2127212612	Lê Đỗ Hoài Lâm	B21QTH	5		6		8				V	0.0	Không	HTL1	
9	2127212551	Bùi Tấn Lợi	B21QTH	10		10		8.5				9	9.1	Chín phẩy Một		
10	2127212634	Lê Thành Long	B21QTH	0		0		0				HP	0.0	Không	HP	
11	2127212552	Phạm Khắc Long	B21QTH	7		7		0				4	3.6	Ba phẩy Sáu		
12	2126212614	Đinh Thị Thái Ngân	B21QTH	9		8		8				7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
13	2127212556	Nguyễn Bá Quốc Phi	B21QTH	6		8		0				6	4.7	Bốn phẩy Bảy		
14	2127212557	Nguyễn Văn Phương	B21QTH	0		0		0				HP	0.0	Không	HP	
15	2126212635	Nguyễn Thanh Quý	B21QTH	8		8		8				9	8.6	Tám phẩy Sáu		
16	2127212616	Nguyễn Quang Sơn	B21QTH	9		8		0				6	5.0	Năm		
17	2127212558	Nguyễn Trọng Tâm	B21QTH	8		9		8.5				9	8.8	Tám phẩy Tám		
18	2127212561	Vũ Danh Thành	B21QTH	7		7		0				HP	0.0	Không	HP	
19	2126212562	Trần Phan Nguyên Thi	B21QTH	8		9		9				8.5	8.6	Tám phẩy Sáu		
20	2127212619	Phạm Thông	B21QTH	9		8		8				6.5	7.3	Bảy phẩy Ba		
21	2126212620	Nguyễn Thị Diệu Thư	B21QTH	9		8		8				6	7.0	Bảy		
22	2126212621	Phan Thị Thu Thương	B21QTH	6		8		9				7.5	7.8	Bảy phẩy Tám		
23	2126212622	Nguyễn Thị Lệ Thủy	B21QTH	0		0		0				V	0.0	Không		
24	2127212623	Lê Trung Tín	B21QTH	5		6		0				5.5	4.1	Bốn phẩy Một		
25	2126212584	Nguyễn Bình Anh Trâm	B21QTH	0		0		0				V	0.0	Không		
26	2127212565	Nguyễn Quốc Tú	B21QTH	10		8		8.5				6	7.2	Bảy phẩy Hai		
27	2127212566	Nguyễn Xuân Tùng	B21QTH	8		9		8.5				4.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
28	2126212567	Hồ Lý Đan Tuyền	B21QTH	10		9		8.5				9	9.0	Chín		
29	2127212569	Nguyễn Anh Vũ	B21QTH	8		9		8.5				7.5	8.0	Tám		
30	2127212545	Ngô Xuân Đông	B21QTH	0		0		0				HP	0.0	Không	HP	
31	2127212548	Đặng Duy Hải	B21QTH	0		0		0				HP	0.0	Không	HP	
32	2127212553	Đoàn Trọng Nghĩa	B21QTH	0		0		0				HP	0.0	Không	HP	
33	2127212560	Nguyễn Trọng Tân	B21QTH	0		0		0				HP	0.0	Không	HP	
34	2127212563	Phạm Bảo Trinh	B21QTH	0		0		0				HP	0.0	Không	HP	
35	2127212568	Đàm Nguyễn Anh Vũ	B21QTH	0		0		0				HP	0.0	Không	HP	
36	2127212606	Nguyễn Tấn Dũng	B21QTH	0		0		0				HP	0.0	Không	HP	
37	2126212613	Trần Thị Thùy Linh	B21QTH	0		0		0				HP	0.0	Không	HP	
38	2126212615	Đặng Thị Cẩm Nhung	B21QTH	0		0		0				HP	0.0	Không	HP	
39	2127212636	Phạm Khắc Phong	B21QTH	0		0		0				HP	0.0	Không	HP	
40	2127212617	Lưu Đức Thịnh	B21QTH	0		0		0				HP	0.0	Không	HP	

Ngày thi: 27/10/2016

ST T	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10		10		25				55	100			
41	2127212618	Đinh Trần Quốc Thịnh	B21QTH	0		0		0				HP	0.0	Không	HP	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	21	51%	
2	Số sinh viên nợ	20	49%	
TỔNG CỘNG :		41	100%	

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 11 năm 2016

LẬP BẢNG

KIỂM TRA TT ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN & B2

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

Nguyễn Thị Kim Phượng

Nguyễn Thị Quỳnh Trang

ThS. Hồ Hà Đông

ThS. Nguyễn Ân